TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 14/12/2022
V/v ly hôn, trAh chấp về nuôi con

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hà Chí Quốc;

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

***Thư ký phiên tòa*:** ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn và trAh chấp về nuôi con".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2022/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2022/QĐXXPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ah Nguyễn Bá K, sinh năm 1986; HKTT: ấp Vĩnh A, xã Bình G, huyện Châu Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; cư trú tại: số 3/5, đường 970, phường Phú H, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1996; cư trú tại: khu phố A Phú, phường A H, thị xã Trảng B, tỉnh Tây N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ah Nguyễn Bá K - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ah Nguyễn Bá K trình bày:

Ah và chị T chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã A H (nay là phường A H). Sau khi cưới, vợ chồng thuê nhà sống tại Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để đi làm. Đến đầu năm 2021, chị T sinh con nên chị T về nhà cha mẹ ruột sống tại khu phố A Phú, phường A H, thị xã Trảng B, tỉnh Tây N, Ah vẫn đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi tháng Ah về thăm vợ con vài lần. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quA hệ bất chính với người yêu cũ và có nhiều mối quA hệ nam, nữ khác nên yêu cầu ly hôn với Ah. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Ah yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn N A, sinh ngày 18-01-2021, hiện đAg sống chung với chị T. Khi ly hôn Ah đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Ah đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị thừa nhận lời trình bày của Ah K về thời giA chung sống, có đăng ký kết hôn, thời giA ly thân là đúng. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, từ tháng 11 năm 2021, Ah K ít về thăm chị và con, mỗi lần về chị thấy Ah K ít nói chuyện, xa cách với chị, chị nghĩ do công việc nên Ah K căng thẳng, mệt mỏi. Nhưng sau đó, Ah K thường mắng chửi, xúc phạm chị, nghi ngờ chị qua lại với người yêu cũ nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Từ khi ly thân, chị nhiều lần tìm cách liên lạc với Ah K nhưng Ah K chặn số điện thoại của chị, tránh mặt chị. Nay chị yêu cầu được đoàn tụ với Ah K vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì và chị vẫn còn tình cảm với Ah K.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn N A, sinh ngày 18-01-2021, hiện đAg sống chung với chị. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Ah K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2022/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N, quyết định:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy bA

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ah Nguyễn Bá K đối với chị Lê Thị Kim T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2022, nguyên đơn Ah Nguyễn Bá K có đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 83/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho Ah được ly hôn đối với chị Lê Thị Kim T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Ah Nguyễn Bá K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng*: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ah Nguyễn Bá K, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm 83/2022/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: ngày 28/9/2022, Ah K có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí, kháng cáo còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ah Nguyễn Bá K yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Ah K và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã A H (nay là phường A H) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2021 thì ly thân đến nay. Ah K trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quA hệ

bất chính với người yêu cũ và có nhiều mối quA hệ nam, nữ khác. Chị T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng từ tháng 11 năm 2021 Ah K ít về nhà, khi về ít nói chuyện, xa cách với chị, nghi ngờ chị không chung thủy, chị không thừa nhận việc chị có quA hệ bất chính với người khác. Ah K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc chị T có quA hệ bất chính dẫn đến mâu thuẫn gia đình.

[2.2] Ah K cho rằng không còn tình cảm vợ chồng yêu cầu được ly hôn; chị T yêu cầu đoàn tụ vì chị còn tình cảm với Ah K. Qua xác minh tại địa phương nơi Ah K và chị T chung sống thì không thể hiện giữa Ah K và chị T có mâu thuẫn gì. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị T tha thiết yêu cầu đoàn tụ với Ah K. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa Ah K và chị T chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ah K là có căn cứ.

Ah K kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2.4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[2.5] Từ những phân tích trên xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ah Nguyễn Bá K; cần giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Ah Nguyễn Bá K kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ah Nguyễn Bá K.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 83/2022/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

2.1 Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ah Nguyễn Bá K đối với chị Lê Thị Kim T.

2.2 Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm: Ah Nguyễn Bá K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do chị Nguyễn Thị Hoài Thắm nộp thay theo Biên lai thu tiền tạm ứng án số 0026534 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

3.2 Án phí phúc thẩm: Ah Nguyễn Bá K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do Ah Nguyễn Bá K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026771 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng B, tỉnh Tây N.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TADTC;
- TADCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây N;
- TAD thị xã Trảng B, tỉnh Tây N;
- Chi cục THADS tx Trảng B, tỉnh Tây N;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAD tỉnh Tây N;
- Phòng KTNV-TAD tỉnh Tây N;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyền